

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 01 - 2025

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Công;

2. Bà Lê Thị Nguyệt.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Hà Giang - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa:** Bà Mai Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 667/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 92/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30/12/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lâm Thị Mộng N, sinh năm 1987; nơi thường trú: Ấp Bắc Chan 2, xã T, thị xã T, tỉnh Long An; tạm trú: Chung cư Thuận Giao Phát, căn hộ 302, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1983; nơi thường trú: Tổ 3, khu phố 3, phường H, thị xã (nay là thành phố) C, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên lạc: Ô 41, Lô DC 14, đường D11, Khu dân cư S, khu phố 4, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lâm Thị Mộng N trình bày:

Bà Lâm Thị Mộng N và ông Nguyễn Văn Th tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2021, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu hai người sống hạnh phúc bình thường, từ cuối năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà N xác định hiện nay tính cảm vợ chồng không còn, nên bà N yêu cầu Tòa án không công nhận bà N và ông T là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống bà Lâm Thị Mộng N và ông Nguyễn Văn Th có 01 con chung tên Nguyễn Ánh D, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2023. Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu được nuôi con chung trên.

Về cấp dưỡng: Ông Nguyễn Văn Th không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Th đã được Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng ông Th không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Bà Niềm khởi kiện ông Thu yêu cầu được ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Ông T hiện đang ở tại Ô 41, Lô DC 14, đường D11, Khu dân cư VS, khu phố 4, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Văn Th theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng ông T không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa. Việc vắng mặt của ông T trong quá trình tố tụng được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2021, không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T không phải là hôn nhân hợp pháp. Bà N trình bày bà và ông T sống không hạnh phúc nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung thường xuyên cãi vã, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã giải thích động viên bà N về đoàn tụ và tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nhưng bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên không đồng ý thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn mà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà N và ông T là vợ chồng.

Tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và tại Điểm b, c Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội quy định: Nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001 mà đủ điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong

thời hạn hai năm kể từ ngày 01/01/2001 đến ngày 01/01/2003, từ sau thời gian này họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng. Căn cứ các quy định trên, Hội đồng xét xử xét thấy bà N và ông T chung sống với nhau từ năm 2021 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, quá trình chung sống không mang lại hạnh phúc cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống để xây dựng gia đình hạnh phúc nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Niềm không công nhận bà N và ông T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà N và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Ánh D, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2023. Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Xét thấy, hiện nay cháu Nguyễn Ánh D đang ở cùng bà N. Bà N có công việc và thu nhập ổn định, ông T vắng mặt nên không có ý kiến về con chung. Ngoài ra, đến thời điểm hiện nay cháu D mới được 16 tháng tuổi. Do đó, để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức nên giao cháu Nguyễn Ánh D cho bà Niềm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn Th không cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm b, c Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị Mộng N đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Th.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lâm Thị Mộng N và ông Nguyễn Văn Th là vợ chồng.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ánh D, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2023 cho bà Lâm Thị Mộng N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn Th không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm

nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lâm Thị Mộng N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002891 ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Huệ

